

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**

Quý 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.206.696.494	304.483.968.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		96.070.052.815	96.932.405.743
1. Tiền	111	V.1	12.070.052.815	16.766.294.632
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.000.000.000	80.166.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		440.550.000	422.306.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(983.102.470)	(1.001.346.470)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.543.231.949	98.042.740.747
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	77.068.027.304	97.288.755.290
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2.563.624.022	1.636.474.793
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	7.798.088.682	9.352.450.374
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.886.508.059)	(10.234.939.710)
IV. Hàng tồn kho	140		72.235.698.235	94.170.858.072
1. Hàng tồn kho	141	V.8	76.709.130.679	99.846.506.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(4.473.432.444)	(5.675.648.851)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.917.163.495	14.915.657.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	234.404.579	790.193.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.365.353.699	7.470.530.107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	3.802.497.075	6.138.739.582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	514.908.142	516.194.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.551.361.379	86.100.260.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

II. Tài sản cố định	220		40.215.290.837	25.843.540.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	18.567.079.890	16.925.546.551
<i>Nguyên giá</i>	222		30.016.978.951	26.894.686.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.449.899.061)	(9.969.140.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	4.737.491.966	4.823.341.250
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643.500.874)	(557.651.590)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	16.910.718.981	4.094.653.139
III. Bất động sản đầu tư	240		25.044.277.077	25.620.730.257
<i>Nguyên giá</i>	241	V.16	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.566.596.753)	(2.990.143.573)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.282.088.770	34.177.980.920
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.590.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	25.080.000.000	10.440.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28.062.922.348	28.285.558.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.009.704.695	458.008.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1.699.704.695	148.008.530
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		310.000.000	310.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		376.758.057.873	390.584.228.801

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		109.911.507.446	116.378.810.353
I. Nợ ngắn hạn		310		107.911.507.446	114.378.810.353
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	76.212.534.363	65.032.633.809	
2. Phải trả người bán	312	V.22	22.275.096.032	34.229.678.103	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	311.800.247	176.931.054	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	177.569.319	404.000.407	
5. Phải trả người lao động	315		501.190.500	879.425.000	
6. Chi phí phải trả	316		4.058.180.601	3.246.213.661	
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	4.055.367.229	2.125.624.365	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		319.769.155	8.284.303.954	

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.000.000.000	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		266.846.550.427	274.205.418.448
I. Vốn chủ sở hữu	410		266.846.550.427	274.205.418.448
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	138.838.371.124	138.838.371.124
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	5.145.125.364	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	27.164.053.939	28.643.029.905
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		376.758.057.873	390.584.228.801

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay		Năm nay		
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	81.112.815.620	105.833.209.498	338.166.228.252	294.525.333.925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	986.266.107	1.269.745.878	5.812.158.733	3.118.285.854
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.126.549.513	104.563.463.620	332.354.069.519	291.407.048.071
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	75.806.542.750	103.359.234.264	317.263.641.130	283.934.928.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.320.006.763	1.204.229.356	15.090.428.389	7.472.120.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	9.262.862.104	18.071.062.345	42.234.402.507	85.652.046.431
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	2.661.241.584	2.876.485.592	9.254.302.355	5.637.808.183
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.636.114.625	820.347.028	8.078.145.314	2.248.923.442
8. Chi phí bán hàng	24	VL.6	7.848.519.986	6.930.541.897	28.500.845.800	20.559.488.299
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.7	6.208.977.736	7.520.870.523	20.582.251.200	18.052.974.867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.135.870.439)	1.947.393.689	(1.012.568.459)	48.873.895.113
11. Thu nhập khác	31	VL.8	6.722.585.667	4.459.100.275	13.363.263.211	8.244.197.088
12. Chi phí khác	32	VL.9	(3.148.921.283)	169.784.772	(2.861.421.789)	1.342.790.607
13. Lợi nhuận khác	40		9.871.506.950	4.289.315.503	16.224.685.000	6.901.406.481
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.735.636.511	6.236.709.192	15.212.116.541	55.775.301.594
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.336.242.507	(8.483.262.078)	2.336.242.507	299.350.667

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.399.394.004	14.719.971.270	12.875.874.034	55.475.950.927
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	460	1.538	1.345	5.797

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thủy Oanh

TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 01 năm 2015



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		340.494.574.427	254.965.402.510
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(313.297.236.984)	(346.475.870.430)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.065.546.192)	(18.490.206.310)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.041.926.152)	(2.062.756.870)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(5.748.059.478)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.414.170.315	49.862.417.603
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.870.937.297)	(23.955.951.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.366.901.883)	(91.905.024.466)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.609.000.000)	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.230.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	96.150.464.919
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.918.353.451	53.544.064.071
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.079.353.451	149.394.528.990

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		239.439.960.945	148.478.010.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(228.260.060.391)	(112.583.511.811)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.756.421.250)	(14.096.176.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		423.479.304	21.798.322.521
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(864.069.128)	79.287.827.045
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96.932.405.743	17.640.183.689
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.716.200	4.395.009
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	96.070.052.815	96.932.405.743

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất -thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. Tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m² đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	485.733.068	667.891.953
Tiền gửi ngân hàng	11.584.319.747	16.098.402.679
Các khoản tương đương tiền	84.000.000.000	80.166.111.111
Cộng	96.070.052.815	96.932.405.743

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	16	60.000	15	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Cộng		1.423.652.470		1.423.652.470

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Xây Dựng Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình (HBC) tăng do trong kỳ nhận 1 cổ phiếu thưởng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(983.102.470)	(1.001.346.470)

4. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
Tại Văn phòng Công ty	76.387.440.033	96.448.442.443
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	72.688.105	12.810.000
Tại Chi nhánh Cần Thơ	23.078.830	130.587.486
Tại Chi nhánh Hà Nội	288.930.556	681.772.361
Tại Chi nhánh Phú Quốc	295.889.780	15.143.000
Cộng	77.068.027.304	97.288.755.290

5. Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Tại Văn phòng Công ty	2.496.994.913	1.636.474.793
Tại Chi nhánh Phú Quốc	66.629.109	-
Cộng	2.563.624.022	1.636.474.793

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
Bảo hiểm xã hội phải thu	26.615.590	16.324.651
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	80.052.361	1.032.391
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Phạm Văn Hoàng (**)	-	5.879.892.055
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	335.530.701	-
Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	1.000.000.000	-
Cty CP Đầu Tư và Thương Mại DV TIE-EXIM	609.000.000	-
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiến	1.317.201.398	-
Các khoản phải thu khác	1.219.688.632	245.201.277
Cộng	7.798.088.682	9.352.450.374

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

(**) Đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp khoản phải thu Phạm Văn Hoàng (liên quan đến lô hàng bị thất thoát tại kho Hà Nội).

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014	01/01/2014
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyễn Vũ	-	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Phạm Văn Hoàng	-	(5.879.892.055)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Khoản phải thu các khách hàng khác	(3.537.078.058)	(970.617.654)
Cộng	(6.886.508.059)	(10.234.939.710)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
Hàng mua đang đi trên đường	130.830.000	150.562.232
Nguyên liệu, vật liệu	553.300.247	1.389.249.651
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	129.008.176
Thành phẩm	1.215.404.043	971.184.846
Hàng hóa	74.714.649.339	97.206.502.018
Cộng	76.709.130.679	99.846.506.923

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	(4.473.432.444)	(5.675.648.851)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 31/12/2014
Tại Văn phòng Công ty	746.362.956	2.326.510.870	2.877.418.796	195.455.030
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	8.700.000	8.700.000	-
Tại Chi nhánh Phú Quốc	43.830.947	1.183.484.437	1.188.365.835	38.949.549
Cộng	790.193.903	3.518.695.307	4.074.484.631	234.404.579

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Tạm ứng	514.908.142	516.194.000
Cộng	514.908.142	516.194.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	20.018.470.793	1.168.895.257	4.572.305.496	1.135.015.113	26.894.686.659
2. Tăng trong kỳ	-	924.839.401	2.259.009.091	48.435.600	3.232.284.092
<i>Trong đó</i>	-				-
<i>Mua mới</i>		718.487.817	2.259.009.091	48.435.600	3.025.932.508
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	109.991.800	109.991.800
<i>Trong đó</i>	-				-
<i>Thanh lý</i>				109.991.800	109.991.800
4. Số cuối kỳ	20.018.470.793	2.093.734.658	6.831.314.587	1.073.458.913	30.016.978.951
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	692.420.929	3.207.282.241
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	6.388.377.458	582.112.148	2.197.542.222	801.108.280	9.969.140.108
Tăng trong kỳ	714.807.325	160.688.366	604.886.414	75.803.961	1.556.186.066
Giảm trong kỳ				75.427.113	75.427.113
Số cuối kỳ	7.103.184.783	742.800.514	2.802.428.636	801.485.128	11.449.899.061
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	13.630.093.335	586.783.109	2.374.763.274	333.906.833	16.925.546.551
Số cuối kỳ	12.915.286.010	1.350.934.144	4.028.885.951	271.973.785	18.567.079.890

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-		-
Giảm trong kỳ	-		-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	557.651.590	-	557.651.590
Tăng trong kỳ	85.849.284		85.849.284
Giảm trong kỳ	-		-
Số cuối kỳ	643.500.874	-	643.500.874

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số đầu kỳ	300.841.250	4.522.500.000	4.823.341.250
Số cuối kỳ	214.991.966	4.522.500.000	4.737.491.966

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	4.004.630.545	7.375.595.296	-	11.380.225.841
Showroom tại CN Hà Nội	-	97.016.000	-	97.016.000
TT điều hành du lịch và Văn phòng	-	5.343.454.546	-	5.343.454.546
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	4.094.653.139	12.816.065.842	-	16.910.718.981

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	2.990.143.573	576.453.180	-	3.566.596.753
Giá trị còn lại	25.620.730.257	-	-	25.044.277.077

Bất động sản đầu tư gồm:

• Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

• Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

16. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		2.590.000.000		
Cộng		2.590.000.000		

* Theo Giấy chứng nhận số 0312554596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn 2.590 triệu VND.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		10.440.000.000
- Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		14.640.000.000		-
Cộng		25.080.000.000		10.440.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ.

* Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE với số tiền 14.640.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

18. Đầu tư dài hạn khác

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	43.312	448.741.100	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	39.675	2.256.742.800	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.062.922.348		28.285.558.448

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình giảm do trong năm 2014 bán 1.200 CP
- Cổ phiếu Cty CP vận chuyển Saigon Tourist giảm do trong năm 2014 bán 14.900 CP

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.450.833.578)	(4.547.577.528)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Tại Văn phòng Công ty	120.150.542	1.286.423.778	482.235.760	924.338.560
Tại Chi nhánh Phú Quốc	-	1.110.256.047	378.189.892	732.066.155
Tại Chi nhánh Cần Thơ	5.622.967	57.331.818	25.248.078	37.706.707
Tại Chi nhánh Hà Nội	22.235.021	4.800.000	21.441.748	5.593.273
Cộng	148.008.530	2.458.811.643	907.115.478	1.699.704.695

21. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Ký cược, ký quỹ dài hạn	310.000.000	310.000.000
Cộng	310.000.000	310.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	42.727.685.454	65.032.633.809
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	33.484.848.909	-
	76.212.534.363	65.032.633.809

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 13.185002/HĐTDHM ngày 10 tháng 06 năm 2013 và hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2014 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014.

23. Phải trả người bán

	31/12/2014	01/01/2014
Tại Văn phòng Công ty	20.813.966.032	34.219.328.103
<i>Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina</i>	13.425.580.675	19.506.629.051
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.388.385.357	14.712.699.052
Tại Chi nhánh Phú Quốc	1.461.130.000	10.350.000
Cộng	22.275.096.032	34.229.678.103

24. Người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
Tại Văn phòng Công ty	188.218.405	25.525.151
Tại Chi nhánh Phú Quốc	109.080.000	150.176.000
Tại Chi nhánh Cần Thơ	14.271.848	230.000
Tại Chi nhánh Hà Nội	229.994	999.903
Cộng	311.800.247	176.931.054

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	14.932.536	-	14.932.536
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.144.035.415	5.140.106.041	3.929.374
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	164.260.121	163.633.245	626.876
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.138.739.582)	2.336.242.507		(3.802.497.075)
- Thuế thu nhập cá nhân	404.000.407	527.896.521	773.816.395	158.080.533
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	5.550.921.969	5.550.921.969	-
- Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	(5.734.739.175)	13.747.289.069	11.637.477.650	(3.624.927.756)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Kinh phí công đoàn	28.666.436	163.952.106
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	-	1.350.469.299
Chi Cổ Tức Cho Cổ Đông	3.900.511.857	503.551.857
Các khoản phải trả khác	126.188.936	107.651.103
Cộng	4.055.367.229	2.125.624.365

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ (01/01/2014)	95.699.000.000	138.838.371.124	11.025.017.419	28.643.029.905
Lợi nhuận tăng trong kỳ				12.875.874.034
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính bù đắp tổn thất liên quan đến khoản phải thu Phạm Văn Hoàng			5.879.892.055	
Chia cổ tức năm 2013 (đợt 1 + đợt 2)				14.354.850.000
Số dư cuối kỳ (31/12/2014)	95.699.000.000	138.838.371.124	5.145.125.364	27.164.053.939

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	81.112.815.620	105.833.209.498
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	72.315.476.693	87.283.250.574
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	138.672.724	1.547.322.398
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.429.638.356	10.410.351.051
- <i>Doanh thu khác</i>	-	2.727.273
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc</i>	4.312.501.091	4.189.713.358
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội</i>	626.193.020	2.117.157.932
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ</i>	50.205.677	134.094.193
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng</i>	240.128.059	148.592.719
Các khoản giảm trừ doanh thu	986.266.107	1.269.745.878
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	986.266.107	1.269.745.878
Doanh thu thuần	80.126.549.513	104.563.463.620

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	248.624.464	1.603.220.099
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	68.598.445.119	95.158.921.595
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.389.969.261	-
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	3.785.788.138	4.017.424.410
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	577.252.934	2.320.576.264
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	46.027.032	120.054.208
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	160.435.802	139.037.688
Cộng	75.806.542.750	103.359.234.264

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.259.003.204	2.103.326.043
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.000.000.000	15.958.386.577
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.858.900	6.374.725
Khác	-	2.975.000
Cộng	9.262.862.104	18.071.062.345

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.636.114.625	820.347.028
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	79.170.900	1.952.513.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	39.588.795	42.429.830
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	15.186.000
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(94.921.930)	42.980.900
Chi phí khác	1.289.194	3.028.834
Cộng	2.661.241.584	2.876.485.592

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.389.535.141	2.571.828.802
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.433.343	20.725.542
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	243.422.781	140.743.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	266.738.943	340.649.205
Chi phí bảo hành	137.707.489	63.945.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	898.935.252	1.167.046.123
Chi phí bằng tiền khác	3.888.747.037	2.625.603.196
Cộng	7.848.519.986	6.930.541.897

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.822.063.148	2.073.283.962
Chi phí vật liệu quản lý	50.127.903	33.863.154
Chi phí đồ dùng văn phòng	143.590.411	59.439.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.041.441	262.943.007
Thuế, phí và lệ phí	397.935.838	317.329.545
Chi phí dự phòng	(2.492.178.673)	666.853.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.764.924.550	1.142.113.920
Chi phí bằng tiền khác	1.215.473.118	2.965.043.685
Cộng	6.208.977.736	7.520.870.523

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	6.200.693.506	4.157.367.642
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	449.790.080	160.273.000
Thu nhập khác	72.102.081	141.459.633
Cộng	6.722.585.667	4.459.100.275

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	289.517.000	160.273.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.458.322.435)	-
Chi phí khác	19.884.152	9.511.772
Cộng	(3.148.921.283)	169.784.772

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	410.730.000	375.108.944
Tiền thưởng	16.400.000	500.000
Tiền thù lao	75.000.000	90.000.000
Cộng	502.130.000	465.608.944

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm :

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM

Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn

Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE

Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty con

Công ty liên kết

Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Góp vốn	1.990.000.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		
Góp vốn	13.640.000.000	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.875.004	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Phải thu tiền bán hàng	2.112.446.000	-
Cộng nợ phải thu	2.112.446.000	-

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính Samsung tại thị trường Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất và tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Công ty không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.070.052.815	-	-	96.070.052.815
Phải thu khách hàng	43.020.727.408	28.574.350.720	5.472.949.176	77.068.027.304
Các khoản phải thu	3.451.761.378	-	3.210.000.000	6.661.761.378
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770	-	6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	165.595.180.371	28.574.350.720	15.116.885.224	209.286.416.315
Số đầu năm				
Tiền và các khoản	96.932.405.743	-	-	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	67.039.257.828	27.570.207.752	2.679.289.710	97.288.755.290
Các khoản phải thu	556.233.668	-	9.089.892.055	9.646.125.723
Tài sản tài chính sẵn	24.160.286.920	-	5.548.923.998	29.709.210.918
Cộng	188.688.184.159	27.570.207.752	17.318.105.763	233.576.497.674

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.219,09	6.981,98
Phải trả người bán	(239.480,00)	(164.438,00)
(Nợ phải trả) thuần	<u>(235.260,91)</u>	<u>(157.456,02)</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất cố

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 76.212.534.363 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 65.032.633.809 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hoá thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 50 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 34 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh TP.HCM để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.070.052.815	-	96.932.405.743	-	96.070.052.815	96.932.405.743
Phải thu khách hàng	77.068.027.304	(3.676.508.059)	97.288.755.290	(1.145.047.655)	73.391.519.245	96.143.707.635
Các khoản phải thu khác	6.661.761.378	(3.210.000.000)	9.646.125.723	(9.089.892.055)	3.451.761.378	556.233.668
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.486.574.818	(6.433.936.048)	29.709.210.918	(5.548.923.998)	23.052.638.770	24.160.286.920
Cộng	209.286.416.315	(13.320.444.107)	233.576.497.674	(15.783.863.708)	195.965.972.208	217.792.633.966

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	76.212.534.363	65.032.633.809	76.212.534.363	65.032.633.809
Phải trả người bán	22.275.096.032	34.229.678.103	22.275.096.032	34.229.678.103
Các khoản phải trả khác	4.184.369.537	3.353.864.764	4.184.369.537	3.353.864.764
Cộng	102.671.999.932	102.616.176.676	102.671.999.932	102.616.176.676

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Vinh

T.C.P. H.M.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 Thành Thái, Q.10, TP. HCM
Tel: 08.8330855 Fax: 08.8332754
<http://www.tie.com.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~35~~ 2015/CV-TIE

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính tổng hợp quý 4 năm 2014

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **CÔNG TY CỔ PHẦN TIE** giải trình sự chênh lệch Lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 trong Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2014	Quý 4 năm 2013	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	96.111.997.284	122.634.525.965	-26.522.528.681	- 21,62%
Tổng chi phí	89.376.360.773	116.397.816.773	- 27.021.456.000	-23,21%
Lợi nhuận trước thuế	6.735.636.511	6.236.709.192	+498.927.319	+7,99%
Lợi nhuận sau thuế	4.399.394.004	14.719.971.270	-10.320.577.266	-70,11%

Lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm trước là 10.320 triệu đồng (70,11%) vì:

- Phát sinh tăng thuế TNDN năm 2012 + năm 2013 (do Tổng Cục thuế điều chỉnh thu nhập tính thuế - theo Biên bản thanh tra của Tổng Cục thuế): 2.336 triệu đồng.
- Phát sinh giảm thuế TNDN đã tạm tính quý 3/2013 (do Công ty điều chỉnh thu nhập tính thuế năm 2013): 8.483 triệu đồng

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

HOẠT ĐỘNG THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám Đốc
VŨ QUỐC VINH